

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

46

NHỮNG CẢI CÁCH CỦA TRỊNH CƯƠNG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
TÔ HOÀI ĐẠT



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 46: NHỮNG CẢI CÁCH CỦA TRỊNH CƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “*Lịch sử Việt Nam bằng tranh*” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: TÔ HOÀI ĐẠT

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH
TP.HCM

General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Lê Văn Năm

Những cải cách của Trịnh Cương / Lê Văn Năm ; m.h. Tô Hoài Đạt. - Tái bản lần thứ
... - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2013.

76tr. ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.46).

1. Trịnh Cương, 1868-1729. 2. Việt Nam — Lịch sử — Triều đại Hậu Lê, 1592-1788
— Sách tranh. I. Tô Hoài Đạt m.h. II. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

959.7 — dc 22

L433-N17

LỜI GIỚI THIỆU

Năm Kỷ Sửu (1709), chúa Trịnh Căn mất, Trịnh Cương được tiến phong làm Tổng Quốc chính An Đô vương, chính thức nối ngôi chúa, quyết định chính sự.

Sau những năm tháng dài đất nước trải việc can qua, chúa Trịnh Cương tiến hành cải cách để vực dậy một Đàng Ngoài suy sụp trong những năm nội chiến. Chúa là người có ý chí, bản lĩnh, năng động và thực sự lo toan đến sự hưng vong của đất nước. Được sự hỗ trợ đắc lực của đội ngũ quan lại đầy tâm huyết như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn..., chúa đã tiến hành công cuộc cải cách khá toàn diện, tập trung chủ yếu trên hai lĩnh vực: cải cách bộ máy hành chính (tổ chức nhân sự) và cải cách kinh tế - tài chính. Dù việc thực thi không được như chúa mong đợi song những cải cách này cũng đã góp phần thay đổi phần nào bộ mặt Đàng Ngoài thời bấy giờ.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 46 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Những cải cách của Trịnh Cương”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Tô Hoài Đạt thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 46 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Dưới thời Định Nam vương Trịnh Căn (1682-1709), cuộc chiến giữa hai họ Trịnh, Nguyễn đã chấm dứt. Đàng Ngoài phát triển trở lại sau nhiều năm suy sụp vì nội chiến. Con trai trưởng của Trịnh Căn là Trịnh Vính mất khi mới 28 tuổi. Định Nam vương lập con trai trưởng của Trịnh Vính là Trịnh Bính làm thế tử. Năm 1702, Trịnh Bính mất khi mới 38 tuổi. Định Nam vương lại lập con trai trưởng của Trịnh Bính là Trịnh Cương làm thế tử. Khi đó, Trịnh Cương mới 16 tuổi.

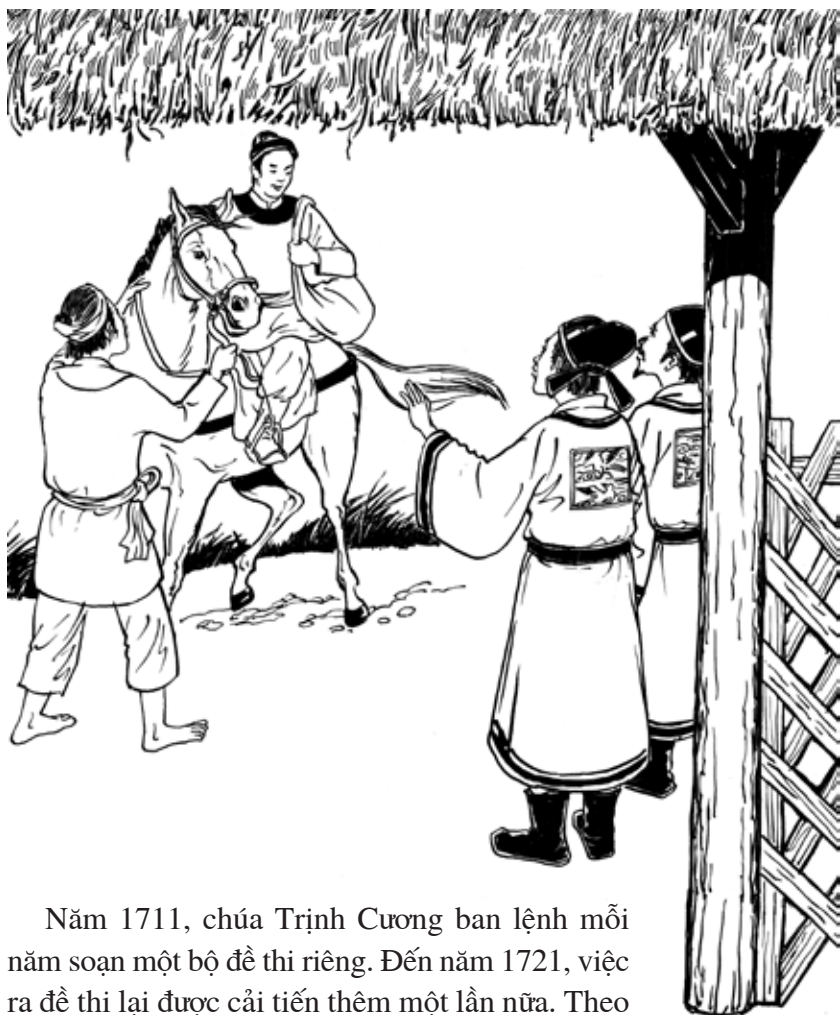
Năm 1709, thời vua Lê Dụ Tông, Trịnh Căn mất, Trịnh Cương lên ngôi chúa khi mới 23 tuổi. Ngay sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Cương đã đưa ra nhiều cải cách nhằm đưa đất nước sớm trở nên phồn thịnh...

Năm 1709, sau khi lên ngôi, chúa Trịnh Cương lập tức chỉnh đốn bộ máy quan lại. Từ lâu, trong thi cử, việc mua chuộc, đút lót giám khảo đã rất phổ biến. Dù các đời chúa trước đã nghiêm cấm gian lận trong thi cử nhưng mọi việc vẫn tiếp diễn.





Một trong những nguyên nhân dẫn đến tiêu cực là kỳ thi năm nào cũng chỉ dùng một bộ đề được trích ra từ kinh sách. Nhiều người đã soạn sẵn bài làm rồi bán lại cho các thí sinh. Các thí sinh mua về học thuộc hoặc lén đem vào trường thi chép lại. Quan chấm thi chấm mà không xem xét kỹ thì những người thi đỗ không hẳn là những người có tài.



Năm 1711, chúa Trịnh Cương ban lệnh mỗi năm soạn một bộ đề thi riêng. Đến năm 1721, việc ra đề thi lại được cải tiến thêm một lần nữa. Theo đó, các quan ra đề thi được triệu tập vào phủ chúa soạn đề thi rồi trình cho chúa duyệt. Đến ngày thi, chúa cho ngựa trạm mang đề thi đến bốn trường thi ở bốn trấn là Hải Dương, Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc. Riêng ở Thanh Nghệ, vì đường xa nên quan địa phương được tự ra đề thi.



Dù vậy, những biện pháp này không mang lại kết quả như mong muốn. Sách sử chép: “Những người đỗ thi Hương phần nhiều là có kẻ gà văn sẵn cho, quan chấm thi thì lấy đồ quá lạm, con em các nhà gia thế phần nhiều đỗ đạt dù không có thực lực”.

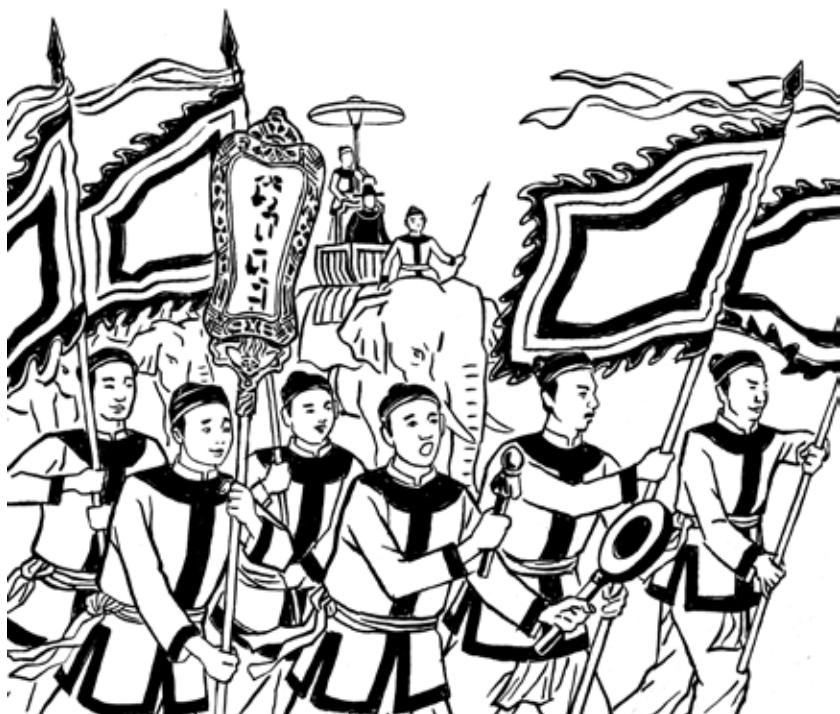
Năm 1726, chúa Trịnh Cương bắt các thí sinh thi đỗ phải thi lại. Kết quả có hai mươi tám người bị đánh rớt, trong đó có nhiều con cháu của các đại thần. Tiếp đó, chúa Trịnh Cương còn sai người điều tra xem có gian lận gì không để trị tội.



Trước khi Trịnh Cương lên ngôi chúa, quân nhân và con cái những người làm nghề hát xướng không được dự thi Hương. Năm 1722, Trịnh Cương cho phép những người trên được phép dự thi như bao sĩ tử khác.



Không chỉ có các kỳ thi truyền thống, Trịnh Cương còn mở các kỳ thi Sĩ vọng dành cho các quan từ hàng tứ phẩm trở xuống. Năm 1728, Trịnh Cương mở kỳ thi Đông các để chọn người giữ chức Đông các Đại Học sĩ và Đông các Học sĩ. Kỳ thi này có ba người được chấm đỗ, Trịnh Cương cho họ được cưỡi voi vinh quy về làng như những trạng nguyên.



Năm 1721, Trịnh Cương cho mở trường dạy võ, thu nhận con cháu các quan vào học. Sau đó, cứ ba năm một lần, triều đình mở khoa thi cho các học sinh của trường và cả những người giỏi võ nghệ trong dân gian. Các thí sinh sẽ phải thi hai môn là võ nghệ và binh pháp. Người trúng tuyển sẽ được vào phủ chúa để thi phúc hạch và được bổ làm quan.





Chúa Trịnh Cương cũng rất quan tâm đến việc tôn vinh những người đỗ đạt. Chúa đã cho lập tổng cộng hai mươi tư bia tiến sĩ ở Văn miếu Quốc tử giám để vinh danh những người thi đỗ các khoa thi năm Bính Thân (1656), Ất Mùi (1715) và một số khoa thi sau đó.

Chúa Trịnh Cương là người biết tôn sư trọng đạo. Đàm Công Hiệu là thầy dạy Trịnh Cương thời nhỏ. Được tin thầy ốm, Trịnh Cương về tận làng Ông Mặc (xã Hương Mạc, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) để thăm thầy. Khi biết thầy vẫn nhớ ngôi nhà xưa ở kinh đô, Trịnh Cương cho người tháo dỡ ngôi nhà đó đem về làng Ông Mặc dựng lại cho thầy. Đến khi thầy mất, Trịnh Cương cho người lo tang lễ rất chu đáo.

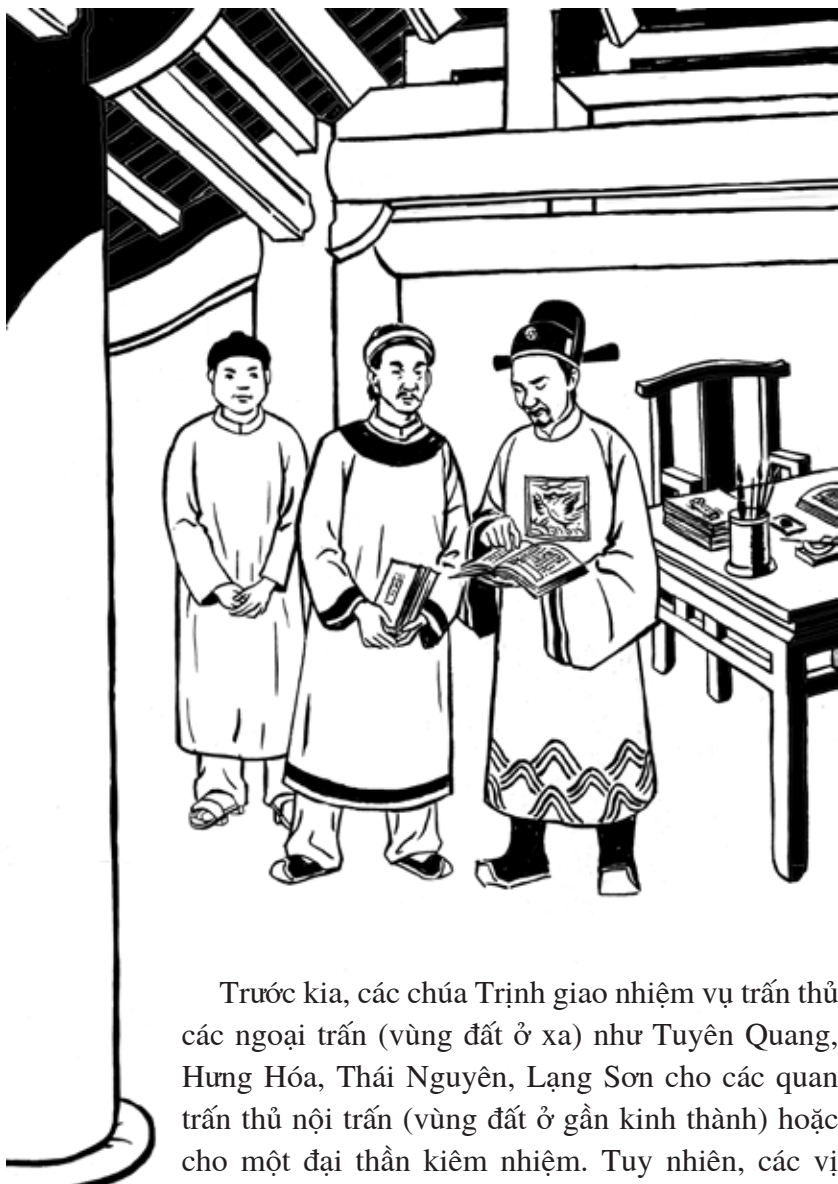


Thời Lê Trung hưng, thực quyền điều hành đất nước nằm trong tay các chúa Trịnh. Bề ngoài, các chúa vẫn giữ lễ với các vua Lê, xem vua là đấng tối cao và mình chỉ là người giúp việc cho thiên tử. Tuy nhiên, dưới thời chúa Trịnh Cương, vị thế của vua Lê bị giảm đi phần nào. Trịnh Cương đã ép vua Lê Dụ Tông ban chỉ cho phép Trịnh Cương vào châu vua mà không phải lạy, viết tấu chương thì chỉ xưng tước chứ không xưng tên.



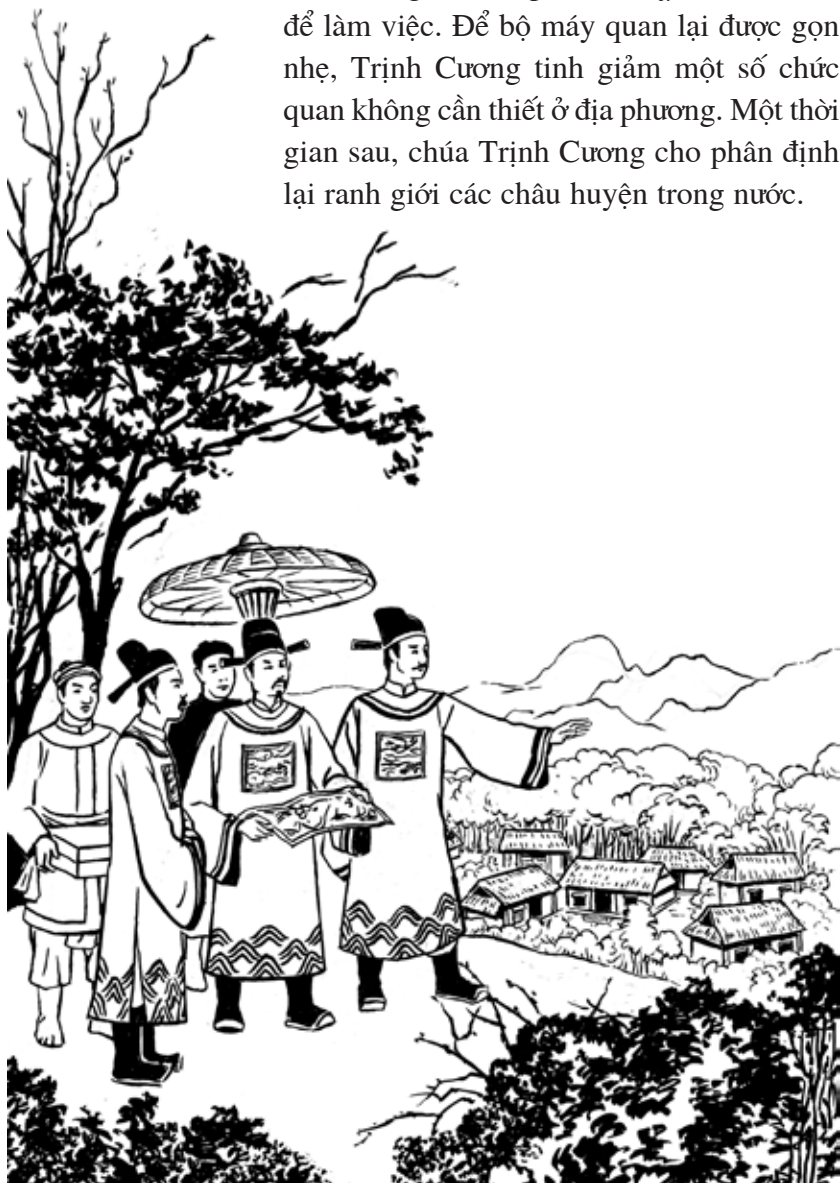


Trịnh Cương còn lập ra lục phiên thuộc phủ chúa, tương đương với lục bộ của triều đình. Từ khi có lục phiên, triều đình nhà Lê chỉ còn là hình thức. Việc tồn tại song song hai hệ thống quan lại của vua Lê và của chúa Trịnh khiến bộ máy chính quyền trung ương thêm chồng chéo, phức tạp.



Trước kia, các chúa Trịnh giao nhiệm vụ trấn thủ các ngoại trấn (vùng đất ở xa) như Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn cho các quan trấn thủ nội trấn (vùng đất ở gần kinh thành) hoặc cho một đại thần kiêm nhiệm. Tuy nhiên, các vị quan này thường không có mặt ở ngoại trấn nên đám lại dịch thừa cơ lộng hành, nhũng nhiễu người dân.

Chúa Trịnh Cương quy định các quan trấn thủ ngoại trấn phải đến lý sở của mình để làm việc. Để bộ máy quan lại được gọn nhẹ, Trịnh Cương tinh giảm một số chức quan không cần thiết ở địa phương. Một thời gian sau, chúa Trịnh Cương cho phân định lại ranh giới các châu huyện trong nước.



Về hình pháp, chúa Trịnh Cương cho bãi bỏ các hình phạt thảm khốc như chặt tay, chặt chân phạm nhân. Thay vào đó là các hình phạt lưu (đày đi nơi xa) và đồ (làm việc khổ sai).



Thời kỳ này, đa phần ruộng đất trong làng xã bị một vài cá nhân chiếm giữ, nông dân không có ruộng cày. Nhằm khôi phục sản xuất nông nghiệp, chúa Trịnh Cương cho thi hành phép quân điền, phân chia một phần ruộng đất công cho nông dân. Lại cho tịch thu những phần ruộng công đã bán để chia cho người nghèo, nghiêm cấm người dân mua bán ruộng đất công.



Cũng như các chúa trước, chúa Trịnh Cương dùng ruộng đất công để nuôi quân sĩ. Vì vậy, ở các làng xã, khi chia ruộng đất, quan chức và binh lính được nhận phần nhiều, số còn lại mới chia cho nông dân. Nhiều vùng do công điền ít nên không còn ruộng để chia cho dân cày.



Thế kỷ XVII - XVIII, ngành khai thác mỏ ở Đàng Ngoài rất phát triển, cung cấp đủ kim loại để đúc tiền, đúc vũ khí và các sản phẩm tiêu dùng cho người dân. Nguồn thu từ thuế khai thác mỏ đóng góp một phần quan trọng vào quốc khố. Sử gia Phan Huy Chú chép: “Việc chi dùng của nhà nước sở dĩ được dồi dào là do thuế các mỏ nộp đầy đủ”.





Vàng, bạc, đồng, kẽm, thiếc được khai thác ở vùng trung du và vùng biên giới phía bắc. Nhân công khai thác mỏ, luyện kim loại thường là người Nùng và người Hóa Vi - những nhóm dân tộc thiểu số giỏi nghề khai thác mỏ vốn sinh sống ở vùng đất phía nam Trung Quốc. Họ di cư sang Đại Việt và tập trung sống ở vùng biên giới.

Những mỏ kim loại có sản lượng lớn thường do các Hoa thương đứng ra khai thác. Họ sử dụng nhân công người Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc). Số phu mỏ người Hoa rất đông, lên đến hàng vạn người.

Số lượng người Hoa tập trung ở các mỏ đã gây nhiều bất ổn. Họ chia thành nhiều phe phái, đánh giết lẫn nhau. Để phòng việc những người này gây ra bạo loạn, năm 1717, chúa Trịnh Cương ra lệnh hạn chế nhân công người Hoa trong các hầm mỏ. Theo đó, mỗi mỏ tối đa chỉ được sử dụng 300 nhân công người Hoa.

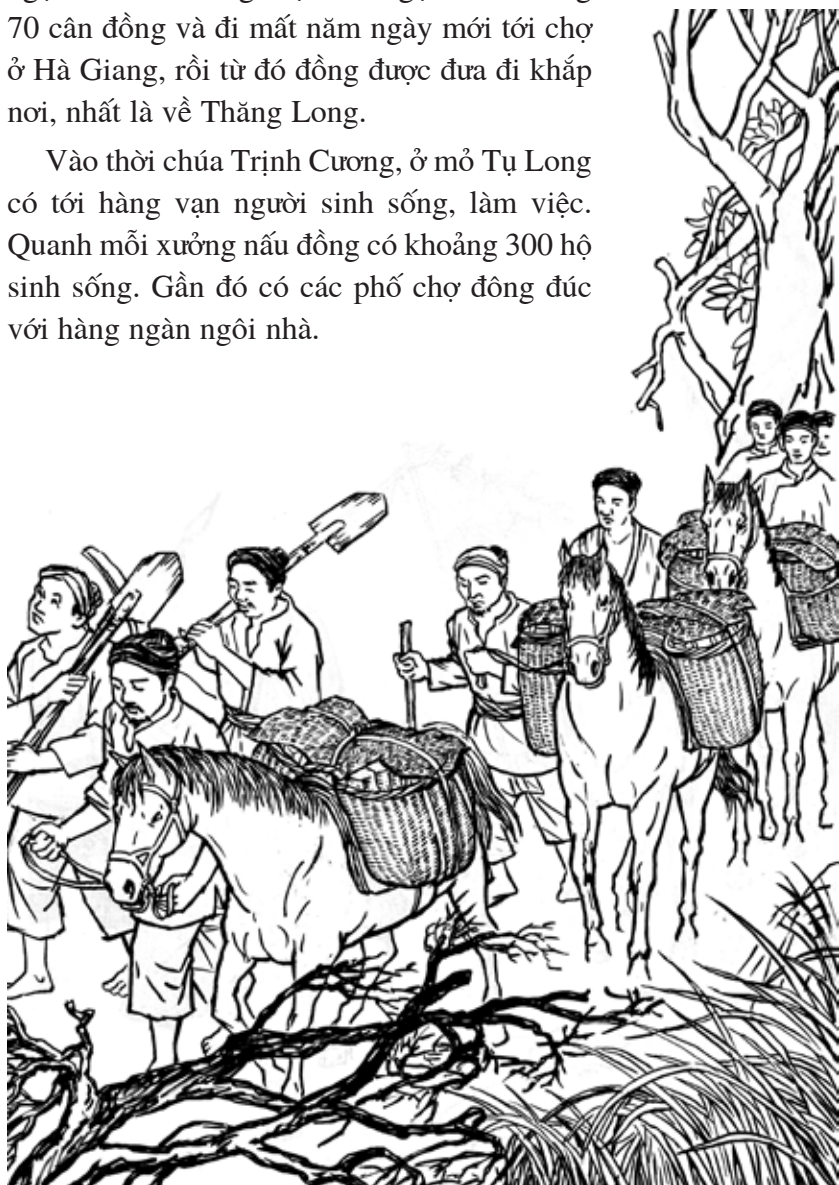


Mỏ đồng Tụ Long ở Tuyên Quang là mỏ đồng có chất lượng nhất Đại Việt thời kỳ này. Sử gia Phan Huy Chú đã ghi: “Các mỏ đồng nước ta, chỉ có đồng Tụ Long là tốt nhất, tiền của triều đình đều do ở đây mà ra”. Hàng năm, mỏ Tụ Long nấu được bốn mươi lăm vạn cân đồng. Quặng đào lên phải đem nấu bốn lần mới ra đồng, sau đó nấu thêm hai lần nữa để tách hàm lượng bạc lẫn trong đồng.



Đồng Tụ Long được các thương nhân dùng ngựa thồ đưa xuống chợ. Mỗi ngựa thồ khoảng 70 cân đồng và đi mất năm ngày mới tới chợ ở Hà Giang, rồi từ đó đồng được đưa đi khắp nơi, nhất là về Thăng Long.

Vào thời chúa Trịnh Cương, ở mỏ Tụ Long có tới hàng vạn người sinh sống, làm việc. Quanh mỗi xưởng nấu đồng có khoảng 300 hộ sinh sống. Gần đó có các phố chợ đông đúc với hàng ngàn ngôi nhà.



Vì mỏ Tụ Long có nhiều đồng quý nên quan lại nhà Thanh (Trung Quốc) luôn tìm cách chiếm đoạt. Cuối thế kỷ XVII, nhân lúc Vũ Công Tuấn nổi loạn, chống lại triều đình Lê - Trịnh, nhà Thanh đã xua quân sang chiếm một phần biên giới Đại Việt, trong đó có mỏ Tụ Long nằm gần sông Đỗ Chú.

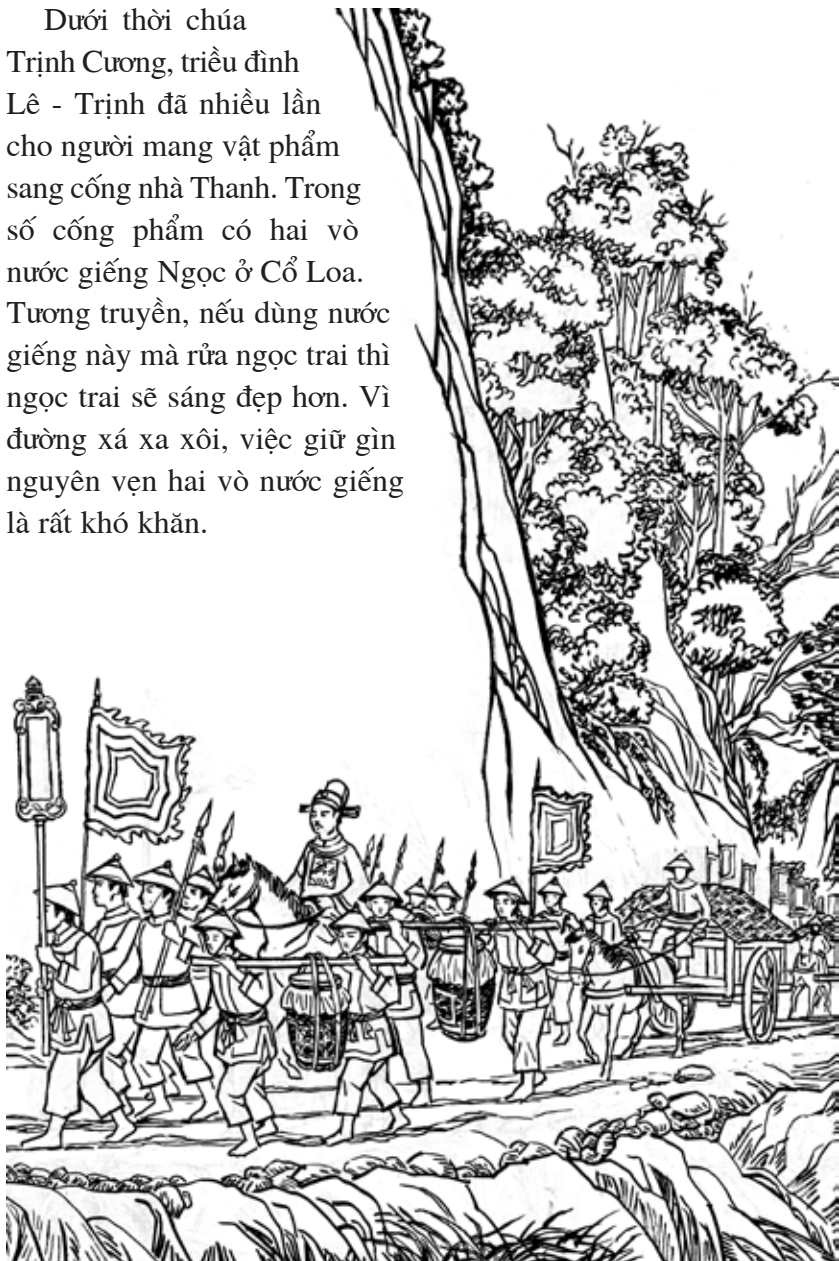
Biết tin, chúa Trịnh Cương sai quan trấn thủ Tuyên Quang tăng cường phòng thủ rồi cho sứ giả sang nhà Thanh đòi đất. Vì nhà Thanh muốn chiếm đoạt vĩnh viễn mỏ đồng này nên công cuộc đòi đất gặp rất nhiều khó khăn, nhất là việc xác định sông Đỗ Chú để làm ranh giới hai nước.



Chúa Trịnh Cương cử Nguyễn Huy Nhuận và Nguyễn Công Thái đi cắm mốc biên giới. Quan lại nhà Thanh cố tình chỉ một con sông khác nằm sâu trong lãnh thổ Đại Việt để mở đồng Tụ Long thuộc về Trung Quốc. Bằng khảo sát thực địa và lí lẽ, Nguyễn Huy Nhuận và Nguyễn Công Thái đã chứng minh được sông Đỗ Chú mới là ranh giới. Nguyễn Huy Nhuận và Nguyễn Công Thái cho dựng bia bên dòng sông Đỗ Chú để đánh dấu biên giới hai nước.



Dưới thời chúa
Trịnh Cương, triều đình
Lê - Trịnh đã nhiều lần
cho người mang vật phẩm
sang cống nhà Thanh. Trong
số cống phẩm có hai vò
nước giếng Ngọc ở Cổ Loa.
Tương truyền, nếu dùng nước
giếng này mà rửa ngọc trai thì
ngọc trai sẽ sáng đẹp hơn. Vì
đường xá xa xôi, việc giữ gìn
nguyên vẹn hai vò nước giếng
là rất khó khăn.



Năm 1718, Nguyễn Công Hãng được cử đi sứ nhà Thanh. Trên đường đi, quân lính làm đổ mất vò nước giếng Ngọc, phải múc nước suối đổ vào. Khi rửa ngọc, không thấy ngọc sáng, nhà Thanh bèn trách hỏi. Nguyễn Công Hãng đáp: “Cái khí đã lâu ngày tất nhiên sẽ biến đi, vì thế mà nước giếng không linh nghiệm”. Nhân đó, Nguyễn Công Hãng xin bỏ lệ cống nước giếng. Nhà Thanh đành chấp thuận.



Về thuế khóa, ở các đời chúa Trịnh trước, Đàng Ngoài có nhiều loại thuế phức tạp và để thu thuế, các chúa đã áp dụng phép *bình lệ* mà theo đó, các sổ bộ chỉ lập một lần và không được cập nhật. Trịnh Cương cho thế là không đúng vì “số hộ khẩu tăng giảm bất thường mà nguyên ngạch vẫn như cũ thì dân phần nhiều phải gánh vác nặng nề”.



Ngoài thuế, lúc bấy giờ, người dân còn phải đóng góp nhiều khoản tạp thu khác khiến “kẻ trốn thuế ngày càng nhiều, dân càng khổ ngày càng lắm”. Chúa Trịnh Cương muốn thay đổi toàn bộ chính sách thuế khóa của triều đình. Việc này, chúa giao cho Nguyễn Công Hãng phụ trách.





Nguyễn Công Hãng quê ở Bắc Ninh, thi đậu Tiến sĩ năm 1700. Công Hãng được chúa Trịnh Cương trọng dụng, ban tước công, chức Tham tụng đứng đầu các quan trong phủ chúa. Sử cũ chép: “Công Hãng nắm chính quyền, đem hết những điều hiểu biết, phép binh, dân, tài chính trình bày rõ ràng, đầy đủ. Chúa rất tín nhiệm, thường từ canh năm đã sai người triệu ông và Lê Anh Tuấn vào phủ bàn việc”.

Nguyễn Công Hãng đặt ra phép thu thuế mới với ba thứ thuế là tô (thuế ruộng), dung (thuế đình) và điệu (lao dịch). Ngoài ra, ông còn đề ra chế độ thu thuế độc quyền với một số loại hàng hóa, gọi là thuế chuyên lợi. Phép thu thuế mới dựa trên số chi tiêu của nhà nước để định số thuế dân chúng phải đóng, thể lệ thu thuế đơn giản, bỏ đi các loại thuế phức tạp.



Năm 1722, chúa Trịnh Cương cho áp dụng cách thu thuế mới. Phép tô quy định ruộng đất công tùy loại tốt xấu phải nộp những mức thuế khác nhau. Riêng vùng Thanh Nghệ (nay là hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An) được giảm thuế một nửa vì đây là đất phát tích của triều Lê - Trịnh.





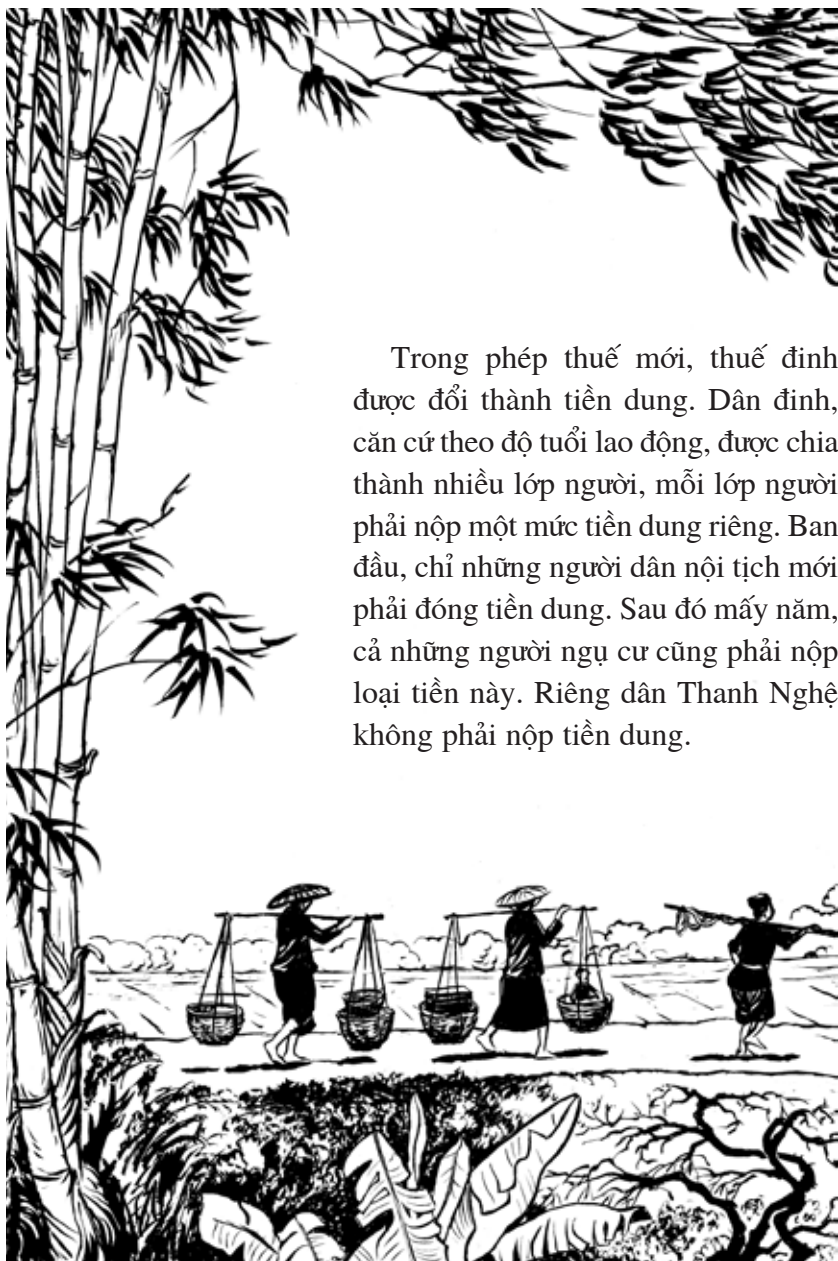
Trước đây, ruộng đất tư vốn được miễn thuế. Lợi dụng chính sách đó, một số người có quyền thế đã dần biến ruộng đất công thành ruộng đất tư khiến triều đình thất thu thuế. Khi ban hành chính sách thuế mới, chúa Trịnh Cương cho phân loại ruộng đất tư rồi căn cứ theo đó mà thu thuế. Tuy nhiên, thuế thu trên ruộng đất tư nhẹ hơn so với ruộng đất công.

Triều đình còn thu thuế cả “ruộng chân núi, ruộng đồng chua nước mặn, ruộng sâu, lầy”. Ngay cả ruộng tam bảo của nhà chùa cũng chỉ được miễn một phần thuế. Sử gia Phan Huy Chú nhận xét: “Phép thuế tô xác định như thế thì một tấc đất cũng không sót, không có chỗ nào không đánh thuế. Cái chính sách vét hết lợi hình như quá cay nghiệt...”.





Riêng với ruộng đất của các quan lại trong triều, chúa Trịnh Cương cho giảm thuế. Với các quan làm việc trong cung vua, phủ chúa, ruộng đất tư của họ được giảm đến một nửa số thuế. Với quan lại làm việc ở các địa phương, chúa Trịnh Cương giảm thuế cho họ ít nhiều tùy theo cấp bậc.



Trong phép thuế mới, thuế đinh được đổi thành tiền dung. Dân đinh, căn cứ theo độ tuổi lao động, được chia thành nhiều lớp người, mỗi lớp người phải nộp một mức tiền dung riêng. Ban đầu, chỉ những người dân nội tịch mới phải đóng tiền dung. Sau đó mấy năm, cả những người ngụ cư cũng phải nộp loại tiền này. Riêng dân Thanh Nghệ không phải nộp tiền dung.

Các loại thuế phụ thu còn lại được triều đình gom lại thành tiền điệu. Triều đình sẽ dùng tiền này để thuê người làm các việc như xây dựng cung điện, tu bổ đường xá, đê điều... Do các quan lại, sai nha bấy giờ tham ô, nhũng lạm nên trên thực tế, việc triều đình thuê mướn nhân công vẫn mang tính cưỡng bức.



Cũng trong luật thuế mới, chúa Trịnh Cương chia sản phẩm thủ công ra thành tám loại để đánh thuế. Những người thợ thủ công có thể nộp tiền dung bằng chính những sản phẩm mình làm ra. Những người vừa làm ruộng, vừa làm nghề thủ công có thể nộp tiền dung, thuế tô bằng chính sản phẩm thủ công của mình.



Thế nhưng, lợi dụng sự đa dạng và phức tạp của các sản phẩm thủ công, bọn quan lại ra sức vơ vét, tham ô, tham nhũng. Người thợ thủ công phải nộp những sản phẩm tốt nhất của mình với giá rẻ mạt. Chính vì vậy, nhiều người bị đẩy vào tình trạng làm không đủ nộp thuế khiến họ bất mãn mà bỏ nghề.





Đối với một số mặt hàng quan trọng như đồng, quế, muối, triều đình đưa ra chế độ thu thuế độc quyền. Năm 1720, chúa Trịnh Cương ban hành chính sách thuế chuyên lợi về đồng. Theo đó, nhà nước yêu cầu các mỏ đồng phải nộp thuế bằng đồng khai thác được. Người đi buôn đồng phải được quan cấp phép và họ phải nộp nhiều thứ thuế.

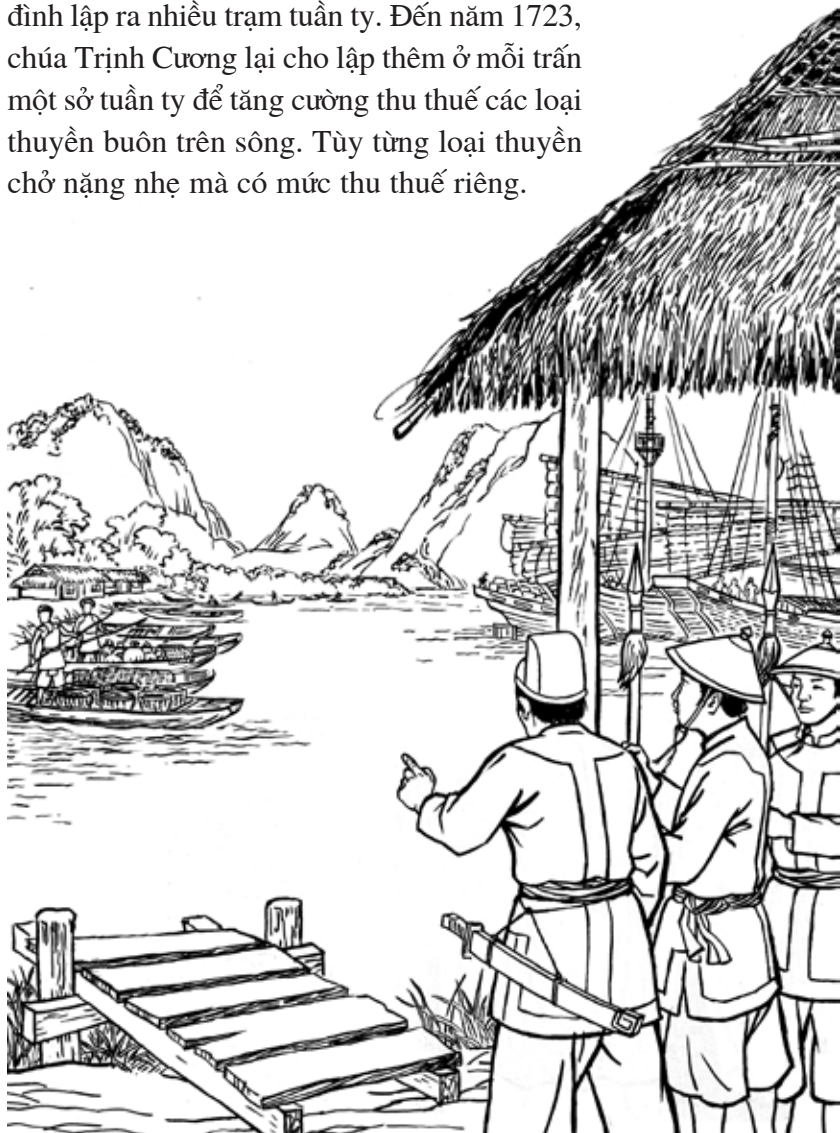
Cùng năm ấy, triều đình cũng áp dụng chính sách thuế chuyên lợi về quế vì “quế là sản vật tự nhiên của quốc gia mà lệ cũ cho tư nhân được tự do đem bán nên lợi về nhà buôn, công quỹ không được gì”. Như vậy, người đi buôn quế cũng phải được quan cấp phép và cũng phải nộp nhiều thứ thuế.



Tiếp đó là chính sách thuế chuyên lợi về muối. Theo đó, người sản xuất muối phải nộp cho nhà nước hai phần mười tổng sản phẩm làm ra. Người đi buôn muối bị buộc phải mua muối ở kho nhà nước với giá cao trước rồi mới được mua muối ở các chợ bên ngoài.



Chúa Trịnh Cương còn cho lập nhiều trạm thu thuế ở các trục đường giao thông, ở các phường chợ. Trên các tuyến đường thủy, triều đình lập ra nhiều trạm tuần ty. Đến năm 1723, chúa Trịnh Cương lại cho lập thêm ở mỗi trấn một sở tuần ty để tăng cường thu thuế các loại thuyền buôn trên sông. Tùy từng loại thuyền chở nặng nhẹ mà có mức thu thuế riêng.



Dưới thời chúa Trịnh Cương, ngoài gánh nặng thuế má, người dân còn phải “gánh” thêm đám quan lại lạm quyền, tham nhũng. Trước tình hình đó, chúa Trịnh Cương đã nhiều lần trừng trị những viên quan tham ô để làm gương, đồng thời ra quy định cấm quan các trấn không được thu tiền để mua lễ vật dâng cho vua chúa. Tuy nhiên, lệnh cấm không mấy hiệu quả vì việc lạm quyền, tham nhũng đã diễn ra trong một thời gian dài.





Ở nhiều nơi, người dân đã mạnh dạn tố cáo bọn quan tham để chúa Trịnh Cương thẳng tay trừng trị. Như viên Lưu thủ Tuyên Quang là Hiến Trí hầu Đặng Kính “khi tại chức đã tham nhũng và tà dân, bị dân tố cáo. Triều đình truy tội, tuy y đã chết, vẫn giáng chức xuống hai bậc”.



Theo đề xuất của Nguyễn Công Hãng, chúa Trịnh Cương cho phép người dân được yết bảng ở cửa nha môn để tố cáo quan tham hay biểu dương quan liêm. Để đảm bảo tính nghiêm minh, chúa cũng quy định: “Việc yết bảng phải xuất phát từ lẽ công bằng, người nào theo ý riêng của mình mà khen chê bậy bạ sẽ bị trị tội”.

Dù đã rất cố gắng nhưng những biện pháp mà chúa Trịnh đưa ra vẫn không vực dậy được đất nước. Tệ nạn tham nhũng, lạm quyền đã ăn sâu vào đám quan lại, không dễ gì trừ được. Đời sống người dân rất cơ cực, số người nợ thuế nhà nước càng ngày càng nhiều.



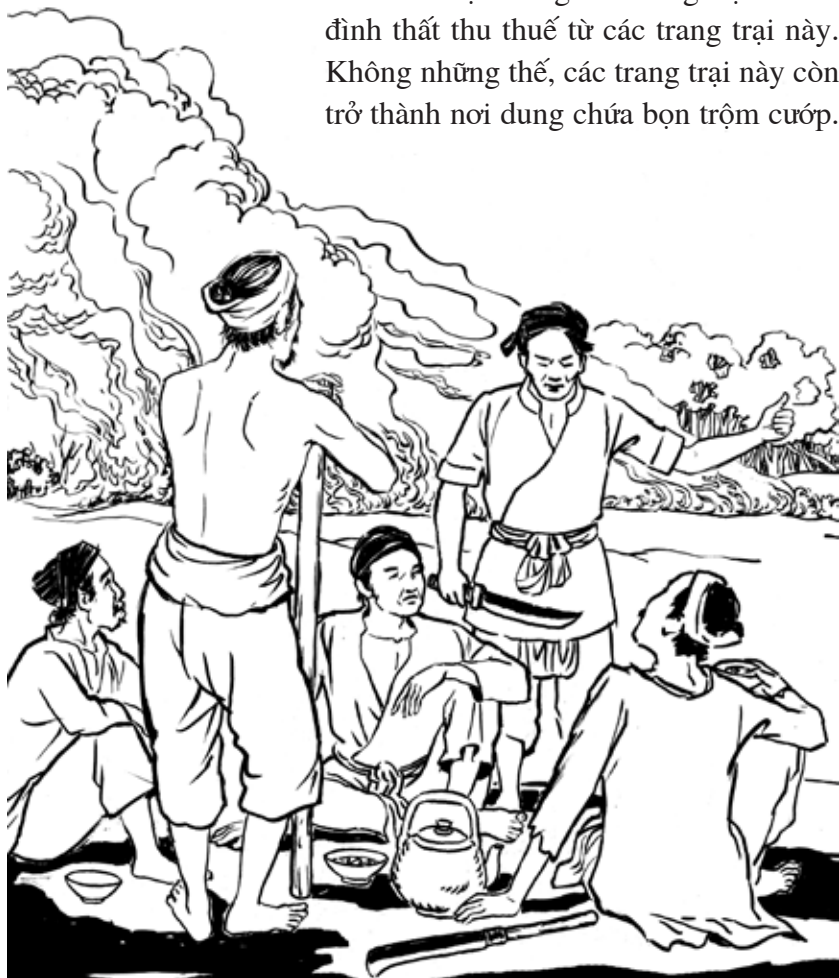
Vì đói kém, vì nợ thuế triều đình nên nhiều người dân phải bán ruộng đất của mình cho người giàu có hay cho bọn quan lại, cường hào. Nhà bác học Lê Quý Đôn chép rằng: *“khi đó có nhiều địa chủ: đất nhiều, ruộng tốt ở khắp mọi phương; vàng bạc, tiền thóc nhiều kể có ức vạn”*.



Ở xã Bình Lãng (huyện Tứ Kỳ, Hải Dương) có bà Bối, tên thật là Nguyễn Thị Tuyết, thường lợi dụng những năm đói kém mà tung thóc ra bán với giá cao rồi lấy tiền đó mua lại ruộng đất của người dân nghèo đói với giá rẻ mạt. Trận đói năm 1703, bà Bối đã thu mua được hơn 1000 mẫu ruộng. Ở nước ta khi đó, đâu đâu cũng có những địa chủ như bà Bối.



Đám quan lại, cường hào thì vừa mua rẻ ruộng đất của nông dân, vừa chiếm đoạt ruộng đất công để lập ra những trang trại lớn. Chúng còn thu nhận cả những người dân không một mảnh đất để cấm dùi lẩn bọn trộm cướp, lưu manh vào làm việc trong các trang trại. Triều đình thất thu thuế từ các trang trại này. Không những thế, các trang trại này còn trở thành nơi dung chứa bọn trộm cướp.





Năm 1711, chúa Trịnh Cương ra lệnh cấm các “nhà quyền quý, thế gia, viên nha, hào phú” lập ra các trang trại mới. Với các trang trại đã được thành lập, trong thời hạn ba tháng, chủ nhân phải tự giải tán, nếu không sẽ bị tội nặng. Ruộng đất của các trang trại sau khi được giải tán sẽ phân chia thành làng, thành xã. Sau khi có lệnh này, hình thức trang trại mới chấm dứt.

Ở những vùng xa, bọn quan lại càng lộng quyền. Chúng bày ra nhiều vụ kiện tụng, vu oan cho người dân, đẩy họ vào tình thế khó khăn rồi trục lợi. Chúng thường dùng thủ đoạn cho tay chân nhận mình là thân nhân của một người nghèo đói chết ngoài đường rồi vu cáo cho một nhà giàu nào đó đã gây ra án mạng và kiện họ lên quan. Bọn quan tham sẽ xử người bị vu cáo có tội, buộc họ phải bán rẻ tài sản để chuộc thân.





Càng ngày, trong xã hội, “việc kiện cáo lung tung nối nhau mãi không thôi. Lúc đầu một việc, sau thành mấy việc, một người liên đới nhiều người, kéo bè kéo cánh...”. Quan xử kiện không công minh càng làm các vụ kiện thêm chồng chất, ứ đọng.



Để giảm bớt tình trạng bất ổn trên, chúa Trịnh Cương ra lệnh quan lại phải hạn định thời gian xét xử từng vụ án, không được để dây dưa, ứ đọng. Kẻ xúi giục người khác đi kiện hay kẻ vu cáo người khác đều bị trị tội nặng. Những viên quan xét xử cầu thả gây ra án oan sẽ bị giáng chức.



Trịnh Cương còn ra quy định hàng năm, các quan cấp trên phải xét lại các vụ án mà quan cấp dưới đã xử. Người dân bị quan lại thông đồng ức hiếp có thể nộp đơn kêu oan lên cấp cao hơn xét xử. Chúa còn cho phép người bị oan được nộp đơn lên cấp Ngự sử đài hoặc lên phủ chúa để xin xét xử lại. Nhưng nếu lời kêu oan đó không đúng sự thật thì người nộp đơn bị đánh trượng hoặc phạt tiền rất nặng.

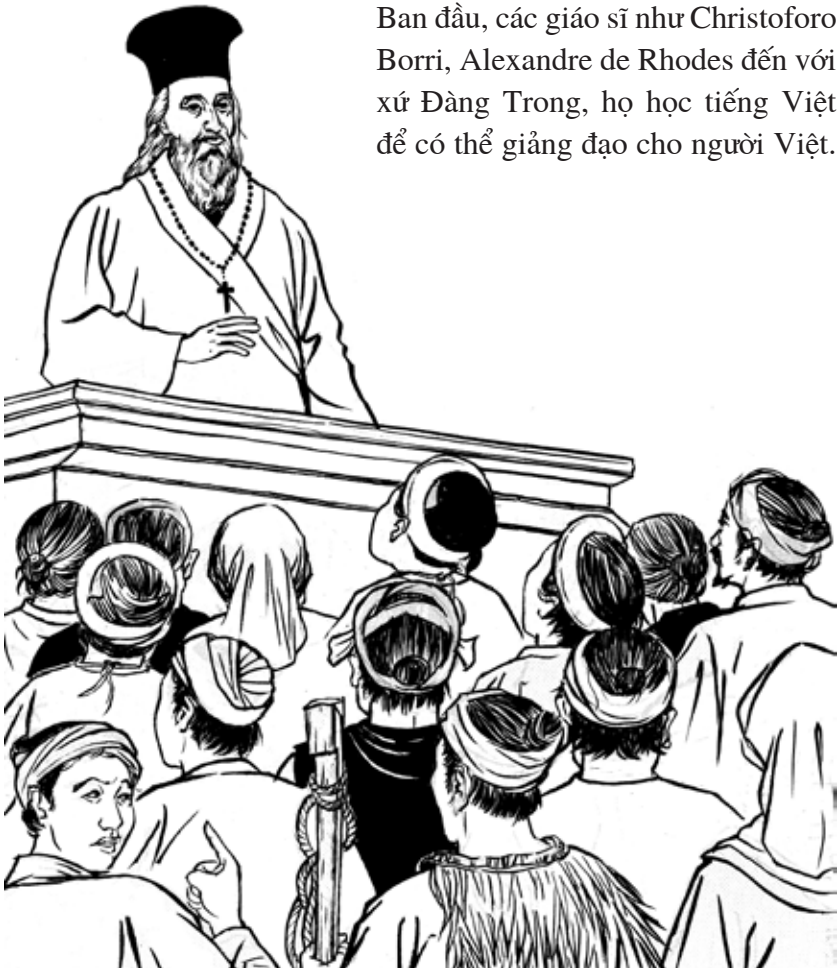
Để thực hiện những cải cách trên, chúa Trịnh Cương phải nhiều quan lại cao cấp xuống các trấn để xét lại những vụ án oan. Đến năm 1723, đơn khiếu kiện gửi lên phủ chúa quá nhiều khiến chúa Trịnh Cương phải cho lập một tòa điểm lớn ở cửa phủ làm nơi xét xử, hàng ngày có quan ra xét đơn kiện.



Trước kia, dưới thời chúa Trịnh Tráng, Trịnh Tạc, các thương gia phương Tây đã đến Đàng Ngoài buôn bán. Đến đời chúa Trịnh Căn, việc buôn bán ở đây không còn sôi động như trước. Vì chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã chấm dứt nên các thương nhân Tây phương không còn bán được vũ khí cho các chúa nữa. Mất đi một khoản lợi nhuận lớn, họ lần hồi đóng cửa thương điếm, chấm dứt buôn bán với Đàng Ngoài. Các thương nhân Anh quốc là những thương gia cuối cùng rời Đàng Ngoài vào năm 1720.



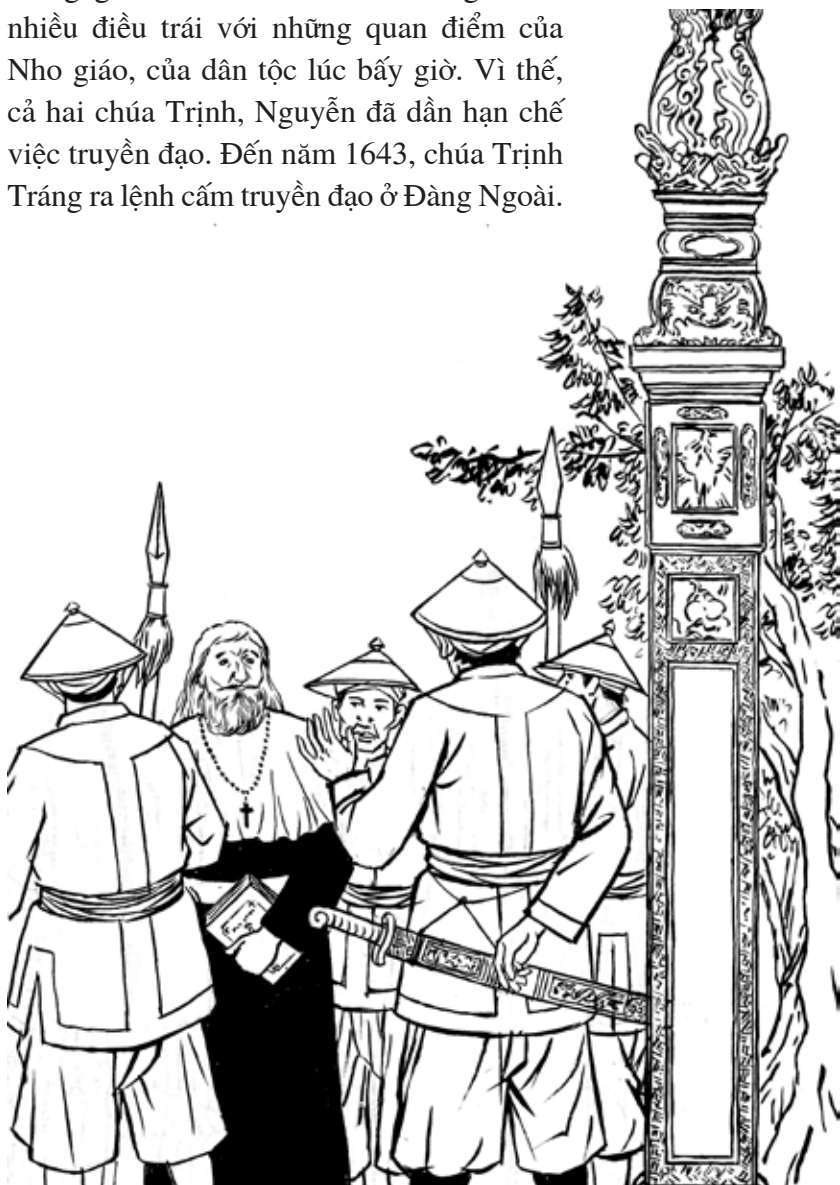
Việc buôn bán với các thương gia phương Tây đã tạo điều kiện cho đạo Thiên Chúa du nhập vào nước ta. Thế kỷ XVI, các giáo sĩ Thiên Chúa đầu tiên đã đặt chân đến Đại Việt nhưng việc truyền bá Thiên Chúa giáo chỉ thực sự bắt đầu từ năm 1615. Ban đầu, các giáo sĩ như Christoforo Borri, Alexandre de Rhodes đến với xứ Đàng Trong, họ học tiếng Việt để có thể giảng đạo cho người Việt.



Năm 1626, giáo sĩ Baldinotti được gửi đến Đàng Ngoài và được chúa Trịnh Tùng tiếp đón tử tế. Năm 1627, giáo sĩ Alexandre de Rhodes ra Đàng Ngoài truyền đạo. Trong giai đoạn này, các giáo sĩ được cả chúa Trịnh lẫn chúa Nguyễn tiếp đón niềm nở. Các chúa muốn thông qua giáo sĩ để lôi kéo thương gia Tây phương đến xứ mình buôn bán.

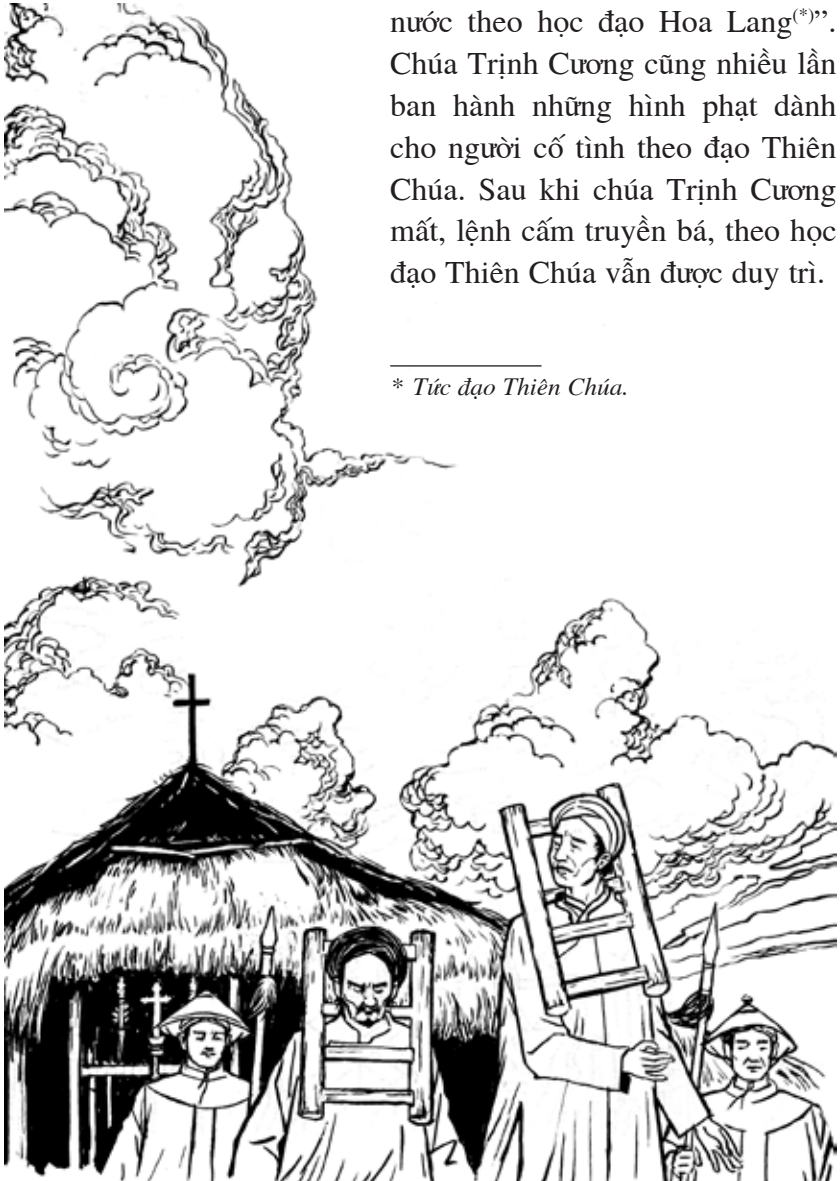


Tuy nhiên, các chúa cũng lo ngại hệ thống giáo điều của Thiên Chúa giáo có nhiều điều trái với những quan điểm của Nho giáo, của dân tộc lúc bấy giờ. Vì thế, cả hai chúa Trịnh, Nguyễn đã dần hạn chế việc truyền đạo. Đến năm 1643, chúa Trịnh Tráng ra lệnh cấm truyền đạo ở Đàng Ngoài.



Năm 1663, chúa Trịnh Tạc lại nghiêm lệnh “cấm người trong nước theo học đạo Hoa Lang(*)”. Chúa Trịnh Cương cũng nhiều lần ban hành những hình phạt dành cho người cố tình theo đạo Thiên Chúa. Sau khi chúa Trịnh Cương mất, lệnh cấm truyền bá, theo học đạo Thiên Chúa vẫn được duy trì.

** Tức đạo Thiên Chúa.*

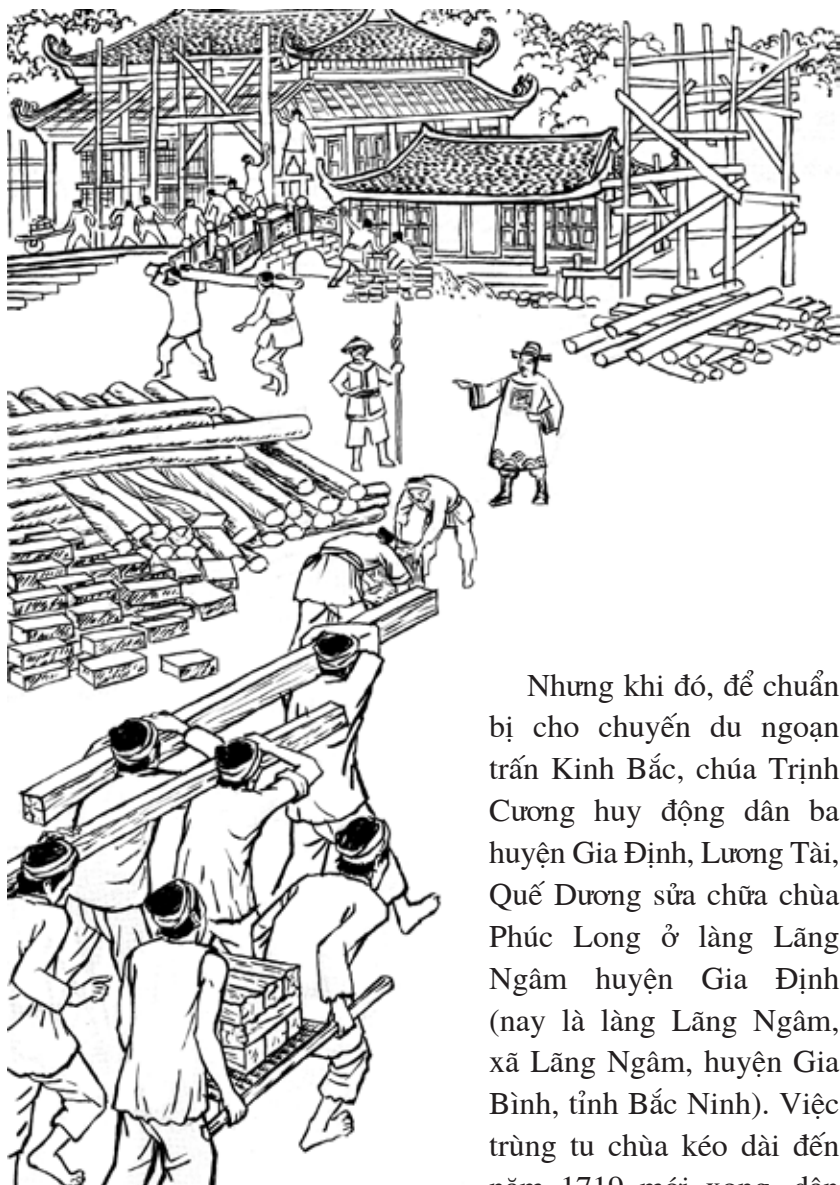


Tuy rất cố gắng trong việc chấn chỉnh đất nước nhưng bản thân chúa Trịnh Cương lại rất thích những chuyến đi chơi xa. Chúa cho tu sửa nhiều đền chùa, xây dựng cung điện ở nơi danh thắng để phục vụ các chuyến tuần du, bất chấp những hao tốn mà triều đình gánh chịu.





Từ mùa thu năm 1712 đến mùa xuân năm 1713, Đàng Ngoài bị hạn hán nặng. Mùa thu năm 1713, đê sông Hồng, sông Mã, sông Chu vỡ khiến mười ba huyện chìm trong nước, “dân chúng phải tước cả vỏ cây, lá trúc mà ăn; người chết đói đầy đường, xóm làng đâu cũng tiêu điều”.



Nhưng khi đó, để chuẩn bị cho chuyến du ngoạn trấn Kinh Bắc, chúa Trịnh Cương huy động dân ba huyện Gia Định, Lương Tài, Quế Dương sửa chữa chùa Phúc Long ở làng Lãng Ngâm huyện Gia Định (nay là làng Lãng Ngâm, xã Lãng Ngâm, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh). Việc trùng tu chùa kéo dài đến năm 1719 mới xong, dân chúng ta thán không ngừng.

Năm 1718, Phó Đô Ngự sử Nguyễn Mậu Áng dâng sớ can ngăn chúa nên lo cho dân mà bớt xa xỉ. Chúa khen bài sớ thẳng thắn nhưng vẫn tiếp tục tổ chức các cuộc tuần du tốn kém.





Năm 1726, xứ Thanh Nghệ xảy ra nạn đói, thóc gạo khan hiếm, người có tiền cũng không mua được. Trận đói kéo dài đến năm 1728 và lan rộng ra khắp đồng bằng sông Hồng. Chúa Trịnh Cương phải sai mở kho thóc, phát chẩn cho dân.

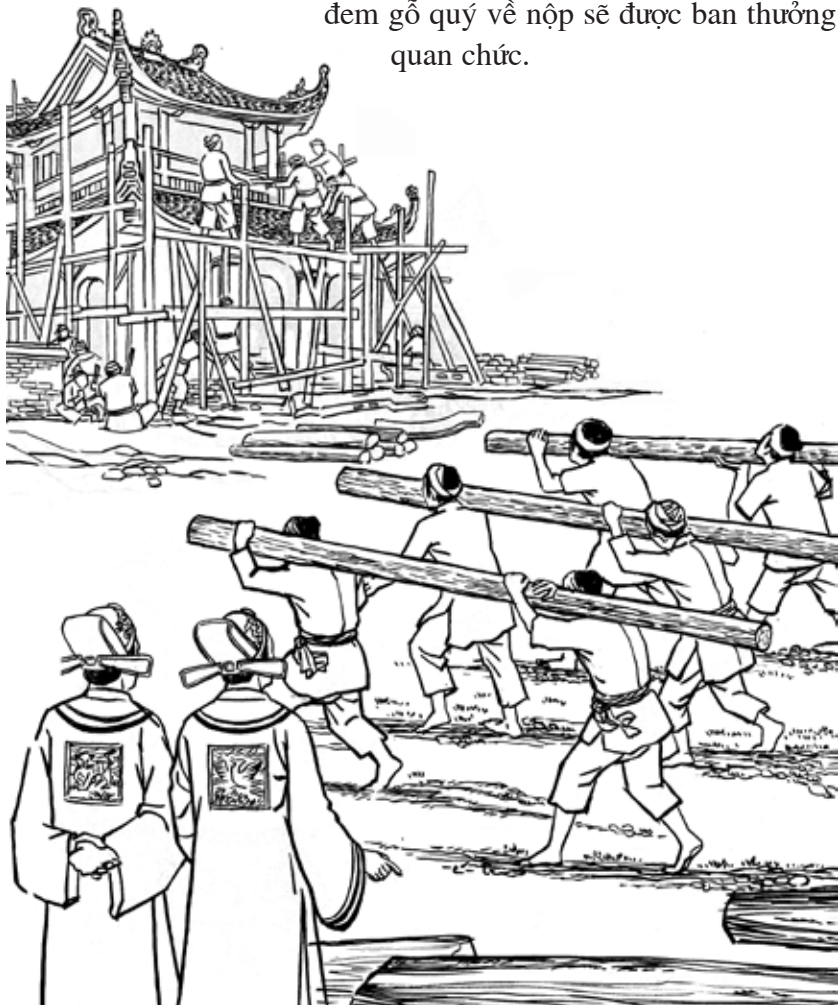


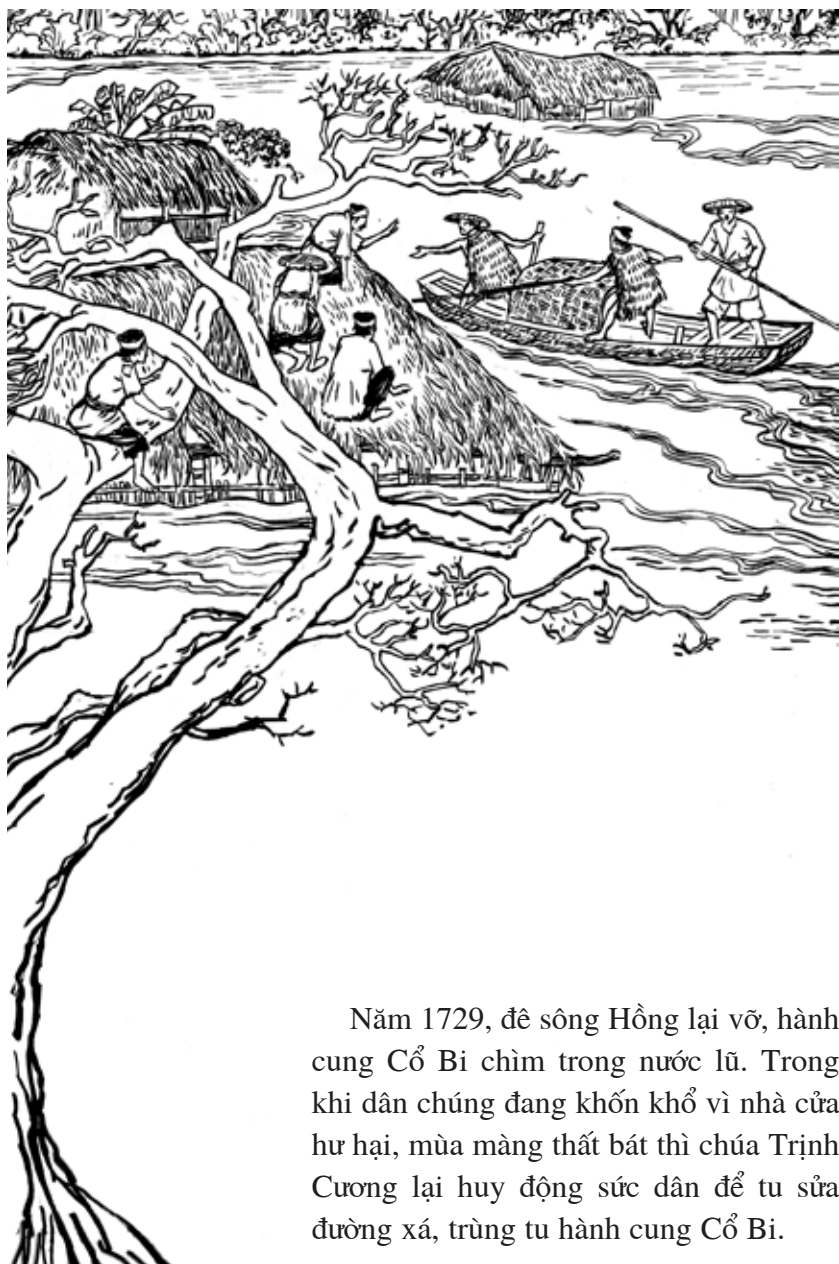
Nhưng cũng vào lúc này, chúa Trịnh Cương lại sai dân phục dịch việc sửa sang đường xá, xây thêm hành cung ở Nghĩa Sơn, trùng tu chùa Tây Thiên (nay thuộc huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc) và chùa Độc Tôn (làng Cát Nê, xã Cát Nê, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) để chuẩn bị cho những cuộc tuần du.

Bọn quan lại nhân cơ hội này, mượn tiếng mua vật liệu xây dựng mà vơ vét của cải của dân chúng. Năm 1727, chúa Trịnh Cương ra lệnh cấm việc mua ép các sản vật của người dân.



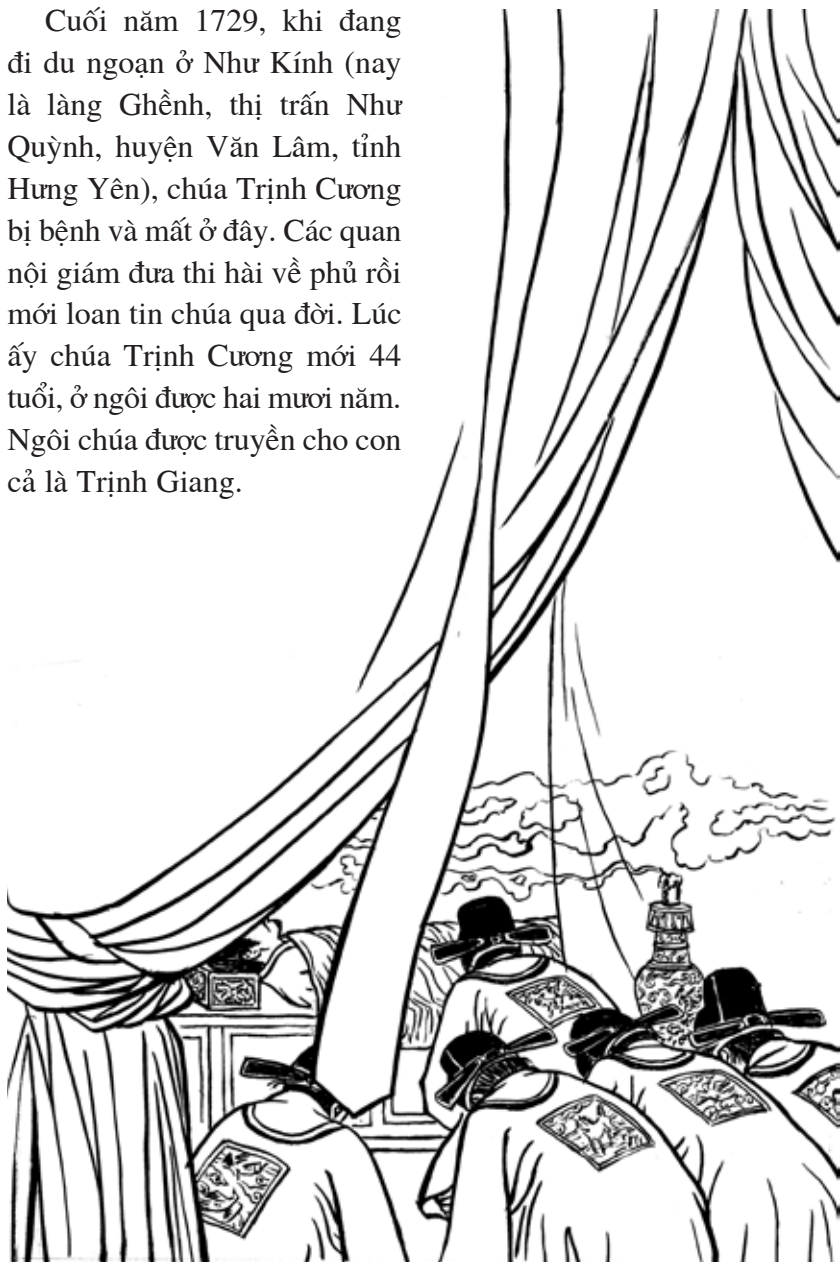
Trong khi những công trình trên còn chưa hoàn tất thì chúa Trịnh Cương lại cho xây dựng hành cung ở làng Cổ Bi (nay thuộc xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội). Chúa ra lệnh phải hoàn thành công trình trong vòng một tháng. Do vậy, một lượng lớn nông dân bị huy động thực hiện công trình này. Chúa Trịnh Cương còn kêu gọi quan lại, những người giàu có ở các nơi đem gỗ quý về nộp sẽ được ban thưởng quan chức.





Năm 1729, đê sông Hồng lại vỡ, hành cung Cổ Bi chìm trong nước lũ. Trong khi dân chúng đang khốn khổ vì nhà cửa hư hại, mùa màng thất bát thì chúa Trịnh Cương lại huy động sức dân để tu sửa đường xá, trùng tu hành cung Cổ Bi.

Cuối năm 1729, khi đang đi du ngoạn ở Như Kính (nay là làng Ghềnh, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên), chúa Trịnh Cương bị bệnh và mất ở đây. Các quan nội giám đưa thi hài về phủ rồi mới loan tin chúa qua đời. Lúc ấy chúa Trịnh Cương mới 44 tuổi, ở ngôi được hai mươi năm. Ngôi chúa được truyền cho con cả là Trịnh Giang.



TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, (bản dịch của Viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- Phan Huy Lê, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, Hà Nội, 1992.
- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Hà Nội, 1971.
- Viện Nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử ký tục biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
- Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
- Nguyễn Thế Long, *Chuyện đi sứ, tiếp sứ thời xưa*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2001.
- Phạm Xuân Huyền, *Sự nghiệp các chúa Trịnh trong lịch sử nước Đại Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Trịnh Xuân Tiến, *Nhân vương Trịnh Cương*, NXB Lao động, Hà Nội, 2002.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

Tập 46

NHỮNG CẢI CÁCH CỦA TRỊNH CUƠNG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: LÊ HÙNG - TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: DUY TRINH

Trình bày: NGUYỄN VÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 – 39316211 – 39317849 – 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

Dưới thời Trịnh Căn, cuộc chiến giữa hai họ Trịnh, Nguyễn chấm dứt. Đàng Ngoài phát triển trở lại sau những năm dài nội chiến. Năm 1709, Trịnh Cương lên ngôi chúa khi mới 23 tuổi. Ngay khi lên ngôi chúa, Trịnh Cương đã đưa ra nhiều cải cách nhằm đưa đất nước sớm trở nên phồn thịnh.

